

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ - ST

Ngày 31/5/2018.

“V/v Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Duy;

2/ Bà Phạm Thị Thu Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng H.

- Bị đơn: Anh Võ Văn P.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

(Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2018 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng H trình bày:

Chị và anh Võ Văn P có tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào tháng 10/1987 âm lịch và chung sống như vợ chồng từ đó đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống bình thường và có với nhau 4 con chung. Đến năm 2013 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, anh P thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập chị tàn nhẫn, chịu không nổi chị phải về nhà cha mẹ để ở thôn P, xã Đ sống tạm từ năm 2014 đến nay, anh chị không chung sống với nhau đã hơn 4 năm, tình trạng hôn nhân giữa anh chị không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh P là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 4 con chung tên Võ Xuân

H, sinh năm 1988; Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1991; Võ Thị Yến G, sinh năm 1992 và Võ Văn C, sinh năm 1998, hiện nay các con đã trưởng thành, lập gia đình có cuộc sống riêng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Võ Văn P trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị H về hôn nhân và con chung, anh chị có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ tháng 10/1987 nhưng không đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng thường xuyên cãi vã, bản thân anh có uống rượu về nhà la lối, từ năm 2013 vợ anh bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Đ sống, hiện nay vợ chồng anh không còn chung sống, không còn yêu thương nhau nữa. Nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 4 con chung tên Võ Xuân H, sinh năm 1988; Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1991; Võ Thị Yến G, sinh năm 1992 và Võ Văn C, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, lập gia đình có cuộc sống riêng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P thống nhất như lời trình bày của chị H.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở, theo đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Lê Thị Hồng H và Võ Văn P; về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu; về tài sản chung: Không yêu cầu; nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H và anh Võ Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10/1987 đến nay. Anh chị có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian chung sống anh chị sống hạnh phúc và có bốn con chung nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,

hay cải vã, anh P thừa nhận thường xuyên uống rượu về nhà gây sự, đánh đập chị H và thực tế anh chị không chung sống với nhau đã hơn 5 năm. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh P là vợ chồng, anh P đồng ý.

Tại Điểm b, Khoản 3, Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội, ngày 09/6/2000 quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Như vậy, việc chị H anh P chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10/1987, không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận. Do vậy, cần áp dụng Điểm b, Khoản 3, Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội, ngày 09/6/2000 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị H và anh P là vợ chồng.

[2] Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 04 con chung tên Võ Xuân H, sinh năm 1988; Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1991; Võ Thị Yến G, sinh năm 1992 và Võ Văn C, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, lập gia đình có cuộc sống riêng và các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; Chị H phải chịu 300.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điểm b, Khoản 3, Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

[1] Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Hồng H và anh Võ Văn P là vợ chồng.

[2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, lập gia đình có cuộc sống riêng và các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Hồng H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001009, ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Kiều

Lê Duy

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

